

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 21/2024/HSST
Ngày 26/8/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thiện

Ông Hoàng Năng Long

*** Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Trọng Duy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:**

Bà Hà Thanh Hằng– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2024, tại Hội trường xét xử A, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 13/8/2024 đối với bị cáo:

1. **Y K H** (tên gọi khác Y T) , sinh ngày 06/6/2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Ê đê; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Y Yon K, sinh năm 1970 và bà H'Nem H1, sinh năm 1974; bị cáo chung sống với bà H Ngiệt Hmok không đăng ký kết hôn, trú tại: Buôn E, xã E, huyện C; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Y K H:** Ông Phùng Văn H3 - là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ,

Địa chỉ: Số C L, Tp B, tỉnh Đ

*** Bị hại:** Ông Lương Quang L (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã D, huyện C, tỉnh Đ

Người làm chứng:

Chị H'Ngiệt H4, sinh năm 2005

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)

Người phiên dịch tiếng Ê đê và ngược lại: Ông Y Hoang Niê

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Y K H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về hành vi phạm tội được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/12/2023 Y K cầm theo ná cao su đi bộ từ nhà của H N để tìm chim săn bắn, khi đi đến thôn A, xã E, huyện C thì Y K nhìn thấy xe mô tô Sirius màu đỏ đen, gắn biển số 47T1-141.88 (xe của anh Lương Quang L, sinh năm 1994) đang dựng phía bên mép đường mòn đất bờ lô không có người trông coi, chìa khóa xe cắm trên ổ khóa nên Y K H nảy sinh ý định trộm cắp, Y K H đi bộ lại dùng chân gạt chân chống, dắt xe, bật công tắc chìa khóa xe khởi động xe rồi điều khiển xe đưa về nhà tại buôn D, xã E, huyện K để cất giấu. Khoảng 03 ngày sau, Y K H sử dụng điện thoại di động lên mạng internet đặt mua đồng hồ Công tơ mét, ốc vít, giàn áo, hai lốp xe để thay thế các bộ phận cũ của xe, trong quá trình Y K H sử dụng xe trộm cắp làm phương tiện đi lại thì bị phát hiện, xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 11/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C đã kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 47T1-141.88 có giá trị vào ngày 05/12/2023 là 6.100.000 đồng (*Sáu triệu một trăm nghìn đồng*).

Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ: Một xe mô tô biển kiểm soát 47T1-141.88, ngày 16/7/2024 đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô này cho ông Lương Quang L là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

+ Về phần dân sự: Bị hại ông Lương Quang L không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đề cập xử lý.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Y K H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 30/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 30/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đồng thời đề cập các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Y K H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Phạt **Y K H** mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày vào chấp hành án.

*** Vật chứng của vụ án:** Không có

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại ông Lương Quang L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

Ông Phùng Văn H3 phát biểu lời bào chữa cho bị cáo Y K H:

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là đúng thực tế, đúng người đúng tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất thời phạm tội, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là dân tộc thiểu số nên áp dụng điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian hối cải, làm lại cuộc đời.

Bị cáo và nhất trí với lời bào chữa không có ý kiến gì bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Y K H khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 05/12/2023 tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Y K H đã lén lút trộm cắp một xe mô tô biển kiểm soát 47T1-141.88, của ông Lương Quang L. Tài sản mà bị cáo trộm cắp được giá trị 6.100.000 đồng (*Sáu triệu một trăm nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Hội đồng xét xử căn cứ vào điều luật nêu trên của Bộ luật hình sự để xét xử đối hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình, gây hoang mang lo sợ cho trong đời sống nhân dân tại địa phương. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, với bản chất lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân nên bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng các quy định của pháp luật để lượng hình phạt cho bị cáo phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, từ trước đến nay tại địa phương chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, chưa gây thiệt hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

- Về hình phạt: Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, qua những phân tích các tình tiết nêu trên của vụ án, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Sau khi ra tù tái hòa nhập với đời sống cộng đồng trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] - **Về trách nhiệm dân sự:** Ông Lương Quang L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

[6] **Vật chứng của vụ án:** Không có

[7] Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Y K H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Y K H** 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành thi hành án.

*** Vật chứng của vụ án:** Không có.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Ông Lương Quang L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

*** Về án phí:** Bị cáo Y K H được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niên yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Phòng HSNVCA tỉnh Đ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI